

Số: /QĐ-UBND

Như Xuân, ngày tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thác Đồng Quan, xã Hóa Qùy, huyện Như Xuân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Như Xuân về việc phê duyệt dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thác Đồng Quan, xã Hóa Qùy, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá;

Xét Tờ trình số 200/TTr- BQLDA ngày 14/7/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 80/TĐ-KTHT ngày 07/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thác Đồng Quan, xã Hóa Qùy, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thác Đồng Quan, xã Hóa Qùy, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Như Xuân.
3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

4. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực dự án, Cụ thể hóa đồ án quy hoạch chi tiết đã được duyệt, hình thành khu dân cư với nhà ở hiện đại, không gian sinh động đáp ứng nhu cầu về nhà ở, đất ở và các công trình công cộng, dịch vụ thiết yếu cho người dân khu vực nông thôn, đồng thời từng bước ổn định đời sống cho nhân dân, phát huy hiệu quả của đầu tư cơ sở hạ tầng, phù hợp với định hướng phát triển chung của xã.

5. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế:

5.1. Quy mô đầu tư xây dựng

a. Hệ thống đường giao thông: Các tuyến đường tuân thủ theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt; mạng lưới đường Khu dân cư đường vào nhà được thiết kế theo nguyên tắc tạo thành mạng lưới hoàn chỉnh, phân cấp rõ ràng tạo điều kiện sử dụng các lô đất hiệu quả nhất và bám địa hình tự nhiên.

b. Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước dự kiến tuân thủ Quy hoạch chung được duyệt hoặc thoát theo các mương hiện trạng theo tình hình thực tế.

- Hồ ga thu nước mặt đường Móng BT mác 150 đá 2x4 dày 15cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Thân ga xây gạch không nung VXM M75 thành dày 22cm trát vữa lòng trong M75 dày 2cm, tường mũ BT M200 đá 1x2 dày 22cm, tấm đan rãnh BTCT M250 đá 1x2 dày 10cm 02 tấm/hố,

c. Hệ thống cấp điện: Xây dựng mới hệ thống điện sinh hoạt đảm bảo theo quy chuẩn chạy dọc theo các trục đường giao thông nằm trên vỉa hè khoảng cột từ 25m ÷ 40m tùy theo vị trí.

5.2. Giải pháp thiết kế:

a. Đường giao thông:

+ Tuyến số N3: Chiều dài tuyến: 230.65m, Lộ giới 11,5m, Lòng đường 5,5m. Bố trí bó vỉa 2 bên loại bó vỉa 26x23x100, Vỉa hè 2x3,0=6,0m;

+ Tuyến số N4: Chiều dài tuyến: 45.25m, Lộ giới 13,5m, Lòng đường 5,5m. Bố trí bó vỉa 2 bên loại bó vỉa 26x23x100, Vỉa hè 2x4,0=8,0m;

+ Tuyến số N5: Chiều dài tuyến: 99.88m, Lộ giới 11,5m, Lòng đường 5,5m. Bố trí bó vỉa 2 bên loại bó vỉa 26x23x100, Vỉa hè 2x3,0=6,0m;

+ Tuyến số N6: Chiều dài tuyến: 87.27m Lộ giới 11,5m, Lòng đường 5,5m. Bố trí bó vỉa 2 bên loại bó vỉa 26x23x100, Vỉa hè 2x3,0=6,0m;

+ Tuyến số N7: Chiều dài tuyến: 158.68m Lộ giới 11,5m, Lòng đường 5,5m. Bố trí bó vỉa 2 bên loại bó vỉa 26x23x100, Vỉa hè 2x3,0=6,0m;

* Kết cấu mặt đường có dạng áo đường theo thứ tự từ trên xuống gồm các lớp cơ bản sau:

- + Mặt đường láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,5kg/m²;
- + Lớp móng đá dăm tiêu chuẩn 4x6 dày 30cm;
- * Kết cấu bó vỉa: Sử dụng bó vỉa vát có kích thước 26x23x100 có đan cho các vỉa hè có tổ chức thoát nước mặt.

b. Thoát nước mặt:

- Hệ thống thoát nước đảm bảo đầy đủ, đồng bộ từ tuyến thoát nước đến ga thu, giếng thăm đúng các yêu cầu kỹ thuật.

+ Hệ thống thoát nước mặt được sử dụng là rãnh xây B400. Cấu tạo rãnh: 10cm đá dăm đệm, 15cm bê tông móng mác M200 đá 1x2, thành rãnh xây tường mác vữa M75, trát lòng trong dày 2cm mác vữa M100, mũ mố BTXM M200 đá 2x4, tấm đan dày 10cm bằng BTCT M250 đá 1x2. Các đoạn rãnh đi qua đường được thiết kế rãnh chịu lực B400. Cấu tạo rãnh: 10cm đá dăm đệm, 15cm bê tông móng mác M200 đá 1x2, thành rãnh xây tường mác vữa M75, trát lòng trong dày 2cm mác vữa M100, mũ mố BTCT M200 đá 2x4, tấm đan dày 15cm bằng BTCT M250 đá 1x2;

+ Ga thu nước mặt có cửa thu theo kiểu thu nước mặt đường có lưới chắn rác bằng gang. Cấu tạo ga thu: 10cm bê tông lót M100 đá 4x6, 15cm bê tông móng mác M150, thành rãnh xây tường mác vữa M75, trát lòng trong dày 2cm mác vữa M100, mũ mố BTXM M200 đá 2x4, tấm đan dày 10cm bằng BTCT M250 đá 1x2.

- Việc thu nước mưa mặt đường, được thực hiện bởi các ga thu nước trực tiếp đặt tại mép đường. Nước mặt được chảy từ cửa thu nước thông qua các ống nhựa PVC D200 vào ga thu.

c. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

* Phần xây dựng đường dây 0,4kV mới:

- Xây dựng móng cột (móng cột MT-1 số lượng 19 móng) và (móng cột MT-2C số lượng 14 móng), kết cấu móng bê tông M150, M50 và M200 đúc tại chỗ;
- Lắp đặt 47 cột BTLT 7,5m; cổ dề, nèo cáp treo đồng bộ;
- Lắp đặt mới 913,5 m đường dây cáp vắn xoắn AL/XLPE/4x95/0.6/1KV căng dây lấy lỏng hoàn chỉnh;
- Lắp đặt 20 hộp công tơ bao gồm giá, tủ, hòm hộp đồng bộ;
- Lắp đặt tủ điện áp và cầu dao đồng bộ;
- Lắp đặt 09 bộ tiếp địa RC-1.

* Phần di dời, xây dựng đường dây trung thế 35Kv:

- Di chuyển tuyến đường dây 35kV hiện trạng phù hợp với mặt bằng quy hoạch và thỏa thuận di chuyển với Điện lực khu vực Như Thanh - Như Xuân, Thanh Hóa, tháo hạ, thu hồi 02 vị trí cột, loại cột BTLT 12m, hiện trạng là cột đơn; Tháo dỡ

948,15m đường dây trung thế (dây nhôm AC-70/11) hiện trạng; Tháo dỡ 03 bộ xà thép XNB; Tháo dỡ 09 chuỗi néo 35Kv; Tháo dỡ 06 quả sứ đứng 35Kv;

- Phân xây dựng đường dây 35kV mới;
 - Xây dựng 03 móng cột (móng cột MTK-8);
 - Lắp đặt 04 cột BTLT 18-13kN (cột đôi) và 02 cột BTLT 16-13kN (cột đôi);
- xà, gông, treo, néo, cổ dề đồng bộ;
- Lắp đặt mới 417 m đường dây trung thế sử dụng dây AC-70/11 và tận dụng căng lại dây AC-70/11 chiều dài 573m;
 - Lắp đặt 03 bộ tiếp địa RC-2.

(Chi tiết như hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, thu hồi phần vật tư, thiết bị đường dây 35kV (củ) và quản lý theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Trường Thịnh.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Hóa Qùy, huyện Như Xuân.

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, Công trình Hạ tầng – Kỹ thuật, cấp IV.

9. Số bước thiết kế: 1 bước (Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật).

10. Danh mục các Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng: Theo báo cáo kết quả thẩm định số 80/KTHT-TĐ, ngày 07/8/2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Như Xuân.

11. Tổng mức đầu tư: **4.830.000.000 đồng**. *(Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm ba mươi triệu đồng)*

Trong đó: Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

- | | | |
|--------------------------|---------------|------|
| - Chi phí xây lắp: | 4.234.621.000 | đồng |
| - Chi phí quản lý dự án: | 113.747.000 | đồng |
| - Chi phí tư vấn: | 376.323.000 | đồng |
| - Chi phí khác: | 50.172.000 | đồng |
| - Chi phí dự phòng: | 55.137.000 | đồng |

(chi tiết có phụ biểu kèm theo).

12. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024.

13. Nguồn vốn: Ngân sách huyện năm 2023 và các năm tiếp theo *(theo Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện)*.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng, ban: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân; Chi cục thuế khu vực Như Thanh - Như Xuân, Chủ tịch UBND xã Hóa Qùy và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư: 04 bản;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tuất

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thác Đồng Quan, xã Hóa Qùy, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2023 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				4.234.621.000	Gxd
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				4.234.621.000	
1.1.1	GIAO THÔNG		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	1.528.613.000	
1.1.2	THOÁT NƯỚC MƯA		1		1.729.339.000	
1.1.3	HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN 0,4KV		1		566.053.000	
1.1.4	DI CHUYỂN ĐƯỜNG DÂY TRUNG THỂ		1		410.616.000	
2	Chi phí quản lý dự án	2,901%	1	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	113.747.000	Gqlda
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				376.323.000	Gtv
3.1	Chi phí khảo sát địa hình			Theo QĐ số: 153/QĐ-BQLDA ngày 27 tháng 02 năm 2023	54.258.000	
3.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	1.598.000	
3.3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	3,997%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	169.258.000	
3.4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,388%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	19.716.000	
3.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,388%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	16.430.000	
3.6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,566%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	108.660.000	
3.7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	2.169.000	
3.8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.117.000	
3.9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.117.000	
4	Chi phí khác				50.172.000	Gk
4.1	Phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	459.000	
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	27.531.000	
4.3	Chi phí nghiệm thu đóng điện			(Gxd 0,4kv+Gxd 35kv) trước thuế x 1,9%	17.182.000	

4.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	5.000.000	
5	Chi phí dự phòng				55.137.000	Gdp
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	1,15%		(Gxd+Gtb+Gqlđa+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ	55.137.000	
	Tổng cộng				4.830.000.000	Gxdct